

Bản án số: 31/2022/HS-ST
Ngày 28 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn và ông Lò Minh Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Công, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Lò Thị L, sinh 04/7/1966; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản K, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt từ ngày 08/10/2021; con ông Lò Văn T, sinh 1940 và bà Lò Thị T (đã chết); chồng Lò Văn P, sinh 1965 và 03 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh 1990; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 01/10/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị L: bà Cẩm Kim Loan là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

- Người làm chứng: Lò Văn L, sinh 1995. Nơi cư trú: T, thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 25 phút, ngày 01/10/2021 Lò Văn L đến nhà Lò Thị L ở bản K, xã T, huyện M; L đưa cho L 50.000VNĐ, L nhận tiền rồi đưa cho L 01 gói giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong có cục bột màu trắng thì bị Tổ công tác

Công an xã T phát hiện, Lò Văn L đã giao nộp gói giấy trắng và khai nhận đó là gói ma túy vừa mua được của L; đấu tranh tại chỗ L đã giao nộp số tiền 50.000VNĐ. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng, dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện M để điều tra theo thẩm quyền. Cùng ngày tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Loan nhưng không thu giữ gì thêm.

Lò Thị L khai nhận về nguồn gốc ma túy có được là do L nhặt được của người dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ.

Ngày 01/10/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Lò Thị L và Lò Văn L, như sau: Cục bột màu trắng trong gói giấy màu trắng có khối lượng là 0,01 gam, lấy toàn bộ làm mẫu giám định ký hiệu LL; còn lại 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 mảnh giấy màu trắng niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 21/10/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện thực hiện trưng cầu giám định số tiền 50.000VNĐ thu giữ của Lò Thị L.

Ngày 04/10/2021 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 1599, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu LL là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,01 gam; tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,01 gam; loại Heroine”.

Ngày 25/10/2021 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có kết luận giám định số 1692, Kết luận: Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật.

Tiến hành xác minh nhân thân của Lò Văn L, xác định: ngày 25/9/2013 bị Toà án nhân dân huyện M, xử phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xoá án tích), chưa có tiền sự là người nghiện ma túy cơ quan chức năng đã áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS-ML ngày 13/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lò Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Lò Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Thị L từ 24 đến 32 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu và tiêu hủy: 01 vỏ phong bì, 01 mảnh giấy trắng; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 50.000VNĐ; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo L tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật hạn chế, phạm tội lần đầu; bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s

khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, không phạt bổ sung với bị cáo; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho bị cáo; nội dung khác nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo bổ sung bào chữa, tranh luận: bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Khoảng 9 giờ 25 phút, ngày 01/10/2021 Lò Văn L đến nhà Lò Thị L ở bản K, xã T, huyện M; Long đưa cho L 50.000VNĐ, Loan nhận tiền rồi đưa cho L 01 gói giấy màu trắng thì bị Tổ công tác Công an xã T phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ với Lò Văn L 01 gói giấy trắng bên trong là chất bột màu trắng; thu giữ với L số tiền 50.000VNĐ. Tại kết luận giám định số 1599, ngày 04/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu LL là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,01 gam; tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,01 gam; loại Heroine”. Như vậy, Lò Thị L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho L để kiếm lời là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Trước khi bị bắt, bị cáo là Đảng viên đã được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, nhằm mục đích tư lợi cá nhân, kiếm lời dễ dàng bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà

nước về chất ma túy; với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo đã cất giữ và bán trái phép chất ma túy cho người khác; tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội nghiêm trọng, không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động mà còn ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, khối lượng ma túy không lớn, cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng chính quyền địa phương xác định bị cáo không chấp hành quy định của địa phương, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 01/10/2021 được xem xét khâu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[8] Đối với Lò Văn L là người mua trái phép 0,01 gam Heroine của L, đang cất giữ thì bị bắt quả tang, nhưng L chưa có tiền án, tiền sự, khối lượng ma túy không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan chức năng đã áp dụng biện xử phạt hành chính.

[9] Vật chứng của vụ án: Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,01 gam; loại Heroine, không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 mảnh giấy màu trắng là vật dụng bị cáo sử dụng cất giữ trái phép chất ma túy, vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 50.000VNĐ là số tiền do Lò Thị L phạm tội mà có nên cần phải tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt: Bị cáo Lò Thị L 25 (Hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (01/10/2021); không phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 mảnh giấy màu trắng của Lò Thị L.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 50.000VNĐ (Năm mươi nghìn đồng) của Lò Thị L.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2022 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/01/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà

